TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **480**/2020/QĐST-HNGĐ	*Thạnh Phú, ngày 23 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 473/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị V, sinh năm: 1987; Địa chỉ thường trú: số 219/1 khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp Xóm Cói, xã Ng, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Hà Thanh L, sinh năm: 1979; Địa chỉ: số 219/1 khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1962; địa chỉ: số 70/4 ấp Thạnh Trị Hạ, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3.2. Bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1952; địa chỉ: số 219/1 khu phố 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 115 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Châu Thị V và anh Hà Thanh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về hôn nhân: chị Châu Thị V và anh Hà Thanh L thuận tình ly hôn.

Ghi nhận chị V và anh L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

- Về con chung: anh Hà Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Ngọc Ng, sinh ngày 28/6/2008, ghi nhận anh L không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

- Về tài sản chung: Anh Hà Thanh L được quyền quản lý sử dụng xe gắn máy nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, biển số đăng ký 71C3.346.49, tên chủ xe Châu Thị V. Chị V, anh L thống nhất giá trị chiếc xe trên là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Anh Hà Thanh L có nghĩa vụ giao cho chị Châu Thị V ½ giá trị chiếc xe với số tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Về nợ chung:

+ Chị Châu Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Nh số tiền là 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Thời hạn trả như sau: Ngày 15/12/2020, chị V trả cho bà Nh 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); Ngày 15/02/2021, chị V trả cho bà Nh số tiền còn lại là 27.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Chị Châu Thị V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời hạn trả khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

+ Anh Hà Thanh L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Nh số tiền là 47.500.000 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Thời hạn trả khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí hôn nhân và gia đình (đối với yêu cầu ly hôn): 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị Châu Thị V tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003307, ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) còn lại, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho chị Châu Thị V.

- Về án phí chia tài sản chung:

+ Chị Châu Thị V phải nộp 187.500 đồng (Một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003309, ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Số tiền 112.500 đồng (Một trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) còn lại, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho chị Châu Thị V.

+ Anh Hà Thanh L phải nộp 187.500 đồng (Một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

- Về án phí nợ chung:

+ Chị Châu Thị V phải nộp 719.000 đồng (Bảy trăm mười chín ngàn đồng).

+ Anh Hà Thanh L phải nộp 719.000 đồng (Bảy trăm mười chín ngàn đồng).

+ Bà Lê Thị Nh phải nộp 1.187.500 đồng (Một triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) do bà Nh là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho bà Lê Thị Nh số tiền 2.375.000 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005459, ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Nguyễn Thị A_phải nộp 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005460, ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Số tiền 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) còn lại, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Hồng Vân